
Bản án số: 68/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/5/2020.

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP B-TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị P

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị T

Ông Trần Văn C

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huyền - Cán bộ Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. B: Ông Mai Văn T - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP B có mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 2493/2019/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 91/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1989

HKTT: 14/6, Kp10, phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: 25/6, ấp Đ, xã H, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Trịnh Đình Đ, sinh năm 1982

Trú tại: 14/6, Kp10, phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

(bà D có đơn xin vắng mặt, ông Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2019, các lời khai tại hồ sơ bà Phạm Thị D trình bày:**

Bà và ông Trịnh Đình Đ quen biết và tự nguyện kết hôn vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một khoảng thời gian tuy nhiên đến năm 2014 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, xích mích, bất đồng quan điểm không thể hàn gắn được. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, xảy ra cãi vã thường xuyên, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Cả hai vợ chồng đã đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng không còn nên không

thể hòa hợp được. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể kéo dài nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Đ để trả tự do cho nhau.

-Về con chung: có 01 con chung:

Trình Thanh Tr, sinh ngày: 22/4/2014.

Ly hôn bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Tạm thời không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

-Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Nợ chung: Không có.

*Bị đơn ông Trịnh Đình Đ vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]Về thủ tục tố tụng:

Bà Phạm Thị D và ông Trịnh Đình Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay có đơn xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, Tòa án nhân dân thành phố B đã thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét ông Trịnh Đình Đ là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân TP. B tỉnh Đồng Nai tổng Đ, niêm yết thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, do đó Tòa án không thu thập được lời khai của ông Trịnh Đình Đ và không tiến hành hòa giải được. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về Nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị D và ông Trịnh Đình Đ quen biết và tự nguyện kết hôn vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một khoảng thời gian tuy nhiên đến năm 2014 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, xích mích, bất đồng quan điểm không thể hàn gắn được. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, xảy ra cãi vã thường xuyên, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Cả hai vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng không còn nên không thể hòa hợp được. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể kéo dài nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Đ để trả tự do cho nhau.

Tòa án đã xác minh ngày 20/3/2020 (biên bản xác minh bút lục số 24), địa phương cung cấp hiện chị D, anh Đ sống ly thân, cháu Tr sống với mẹ. Tòa án đã tổng Đ cho ông Trịnh Đình Đ đầy đủ theo quy định các giấy triệu tập làm

việc, thông báo hòa giải để tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện ông đã bỏ mặc và không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân. Vì vậy có căn cứ chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Phạm Thị D.

[2] Về con chung có 01 con chung:

Trịnh Thanh Tr, sinh ngày: 22/4/2014.

Ly hôn bà D xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Tạm thời không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện cháu Tr đang sống chung bà D, ông Đ vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có ý kiến gì. Vì vậy có căn cứ chấp nhận cho bà D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trúc.

Ông Đ được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Do không thu thập được lời khai của ông Đ nên không có cơ sở để xác định tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, và vì bà Phạm Thị D không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để xem xét tại phiên tòa hôm nay. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp và có đơn khởi kiện sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí HNGĐ-ST: Bà Phạm Thị D phải chịu tiền án phí xin ly hôn là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị D và ông Trịnh Đình Đ.

- **Về con chung:**

Giao con chung là cháu Trịnh Thanh Trúc, sinh ngày 22/4/2014 cho bà Phạm Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đ không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không đặt ra để xem xét.

- **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Bà Phạm Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà

Phạm Thị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000840 ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông Đ, niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND Tp B;
- Các đương sự;
- Thi hành án;
- Lưu hồ sơ, Vp.
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phú